

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

---

**ĐINH QUANG THÁI**

**GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU  
VIỆC LÀM CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN  
ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**  
**MÃ SỐ: 60.31.10**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

*Thái Nguyên, 2008*

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

---

**ĐINH QUANG THÁI**

**GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU**  
**VIỆC LÀM CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN**  
**ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**

**MÃ SỐ: 60.31.10**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TIẾN SĨ NGÔ XUÂN HOÀNG**

*Thái Nguyên, 2008*

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Việc làm và giải quyết việc làm là một vấn đề kinh tế xã hội có tính toàn cầu, là mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Ngày nay, quan niệm về phát triển được hiểu đầy đủ là: Tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội; phải xoá đói, giảm nghèo, giảm thiểu thất nghiệp...

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát khỏi bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và được sống một đời hạnh phúc” [dt 23,tr.17]. Tư tưởng của người luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết việc làm cho người lao động.

Ở nước ta hiện nay, nông thôn chiếm 74,37% dân số và 75,6% lực lượng lao động (32,7 triệu trong 43 triệu lao động cả nước) và gần 90% số người nghèo của cả nước vẫn đang sống ở nông thôn. Tỷ lệ thời gian nhàn rỗi ở nông thôn chiếm 19,3%, thất nghiệp ở thành thị 5,1%. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nhận định: “Tỷ trọng trong nông nghiệp còn quá cao. Lao động thiếu việc làm và không có việc làm còn nhiều. Tỷ lệ qua đào tạo rất thấp” [dt 14,tr.166] .

Thất nghiệp, thiếu việc làm đang và sẽ diễn biến rất phức tạp, cản trở quá trình vận động và phát triển kinh tế đất nước. Vì vậy, tạo việc làm cho người lao động là vấn đề nóng bỏng, cấp thiết cho từng ngành, địa phương và từng gia đình. Tạo điều kiện cho người lao động có việc làm, một mặt, nhằm phát huy tiềm năng lao động, nguồn lực to lớn ở nước ta cho sự phát triển kinh tế - xã hội, mặt khác, là hướng cơ bản để xoá đói, giảm nghèo có hiệu quả, là cơ sở để cải thiện và nâng cao đời sống cho nhân dân, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo động lực mạnh mẽ thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: “Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản. Bằng nhiều biện pháp, tạo ra nhiều việc làm mới, tăng quỹ thời gian lao động được sử dụng, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn. Các thành phần kinh tế mở mang các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Khôi phục và phát triển các làng nghề... sớm xây dựng và thực hiện chính sách trợ cấp cho người lao động thất nghiệp” [dt 16,tr.140,150]. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: “Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân và cho lao động nông thôn, nhất là các vùng nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển các cơ sở phi nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn, giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm...” [dt 14,tr.195]

Trong thời gian qua tỉnh Thái Nguyên đã có một số biện pháp nhằm giải quyết vấn đề việc làm trong lao động nông thôn, nhưng qua thực tiễn cho thấy cũng chỉ giải quyết được một số vấn đề nhỏ.

Huyện Đồng Hỷ là một huyện phần lớn là sản xuất nông nghiệp, trình độ sản xuất nông nghiệp còn thấp và là nơi tập trung các dân tộc thiểu số, tình hình kinh tế - xã hội chưa thực sự phát triển, vấn đề lao động nông thôn dư thừa đang còn là những bất cập cần được giúp đỡ và giải quyết.

Xã hội ngày càng phát triển mạnh nhưng ở Đồng Hỷ vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề việc làm nông thôn, xuất phát từ những lí do trên tác giả lựa chọn đề tài: ***"Giải pháp chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm của lao động nông thôn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên"*** làm đề tài luận văn thạc sĩ.

## **2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng về việc làm của lao động nông thôn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên, sẽ thấy có những ưu điểm, những tồn tại và tiềm năng về lao động và việc làm, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết nhu cầu việc làm để nâng cao chất lượng cuộc sống con người lao động nông thôn của huyện, góp phần thúc đẩy chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Góp phần hệ thống hoá về cơ sở lý luận và thực tiễn về lao động và nhu cầu việc làm nói chung, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn nói riêng.
- Phân tích đánh giá thực trạng việc làm của lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên.
- Đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết nhu cầu việc làm của lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên.

## **3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề liên quan đến việc làm và nhu cầu việc làm của người lao động nông thôn trên địa bàn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Nội dung nghiên cứu: Đề tài chủ yếu nghiên cứu về thực trạng của lao động nông thôn của huyện Đồng Hỷ
- Về không gian nghiên cứu trên địa bàn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên.
- Về thời gian nghiên cứu thực trạng huyện Đồng Hỷ từ năm 2005 - 2007, số liệu sơ cấp được thu thập ở các hộ nông dân năm 2007.

## **4. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI**

Đề tài là công trình khoa học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, là tài liệu

giúp huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, thực hiện hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo và đẩy lùi các tệ nạn xã hội trên địa bàn.

## **5. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo nội dung của luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Cơ sở khoa học về vấn đề việc làm của người lao động nông thôn và phương pháp nghiên cứu.

**Chương 2:** Thực trạng việc làm của người lao động nông thôn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên.

**Chương 3:** Một số giải pháp chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm cho lao động nông thôn huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NÔNG THÔN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1.1. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

##### 1.1.1. Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu việc làm cho người lao động

###### 1.1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về lao động và việc làm

*\* Khái niệm về lao động và lao động nông thôn*

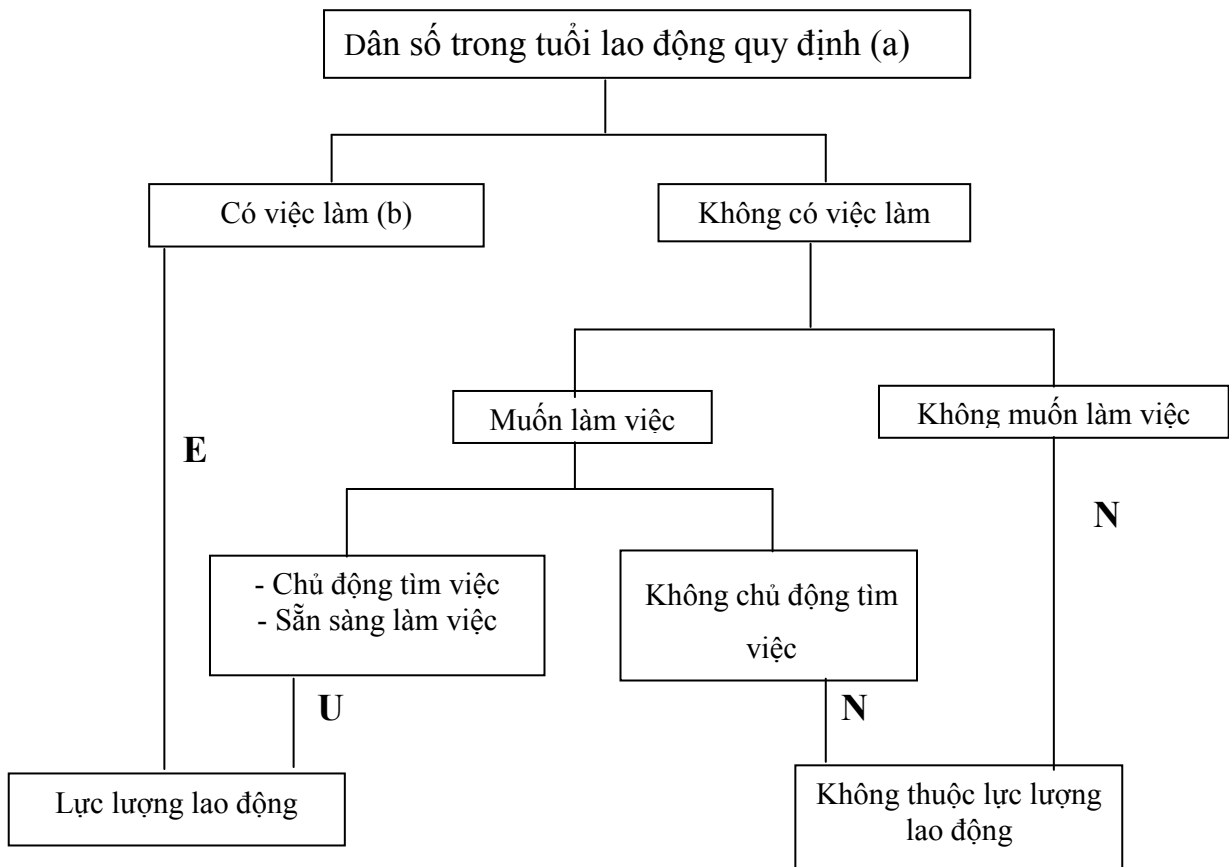
+ Lực lượng lao động: Trên thế giới có nhiều quan niệm khác nhau về lực lượng lao động.

Theo từ điển thuật ngữ trong lĩnh vực lao động của Liên Xô (cũ), (Matxcova 1997, tiếng Nga) lực lượng lao động là khái niệm định lượng của lao động .

Theo từ điển thuật ngữ Pháp (1997-1985) lực lượng lao động là số lượng và chất lượng những người lao động được quy đổi theo các tiêu chuẩn trung bình về khả năng lao động có thể sử dụng.

Nhà kinh tế học David Begg cho rằng : Lực lượng lao động có đăng ký bao gồm số người có công ăn việc làm cộng với số người thất nghiệp có đăng ký.

Theo tổ chức lao động của (ILO): Lực lượng lao động là một bộ phận dân số trong độ tuổi quy định, thực tế có tham gia lao động và những người không có việc làm đang tích cực tìm kiếm việc làm.



E: Người có việc làm

U: Người thất nghiệp

N: Người không tham gia hoạt động kinh tế

### Sơ đồ 1.1 Cơ cấu lực lượng lao động

Theo Thuật ngữ về lĩnh vực lao động của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Việt Nam thì lực lượng lao động là những người đủ 15 tuổi trở lên có việc làm và những người thất nghiệp. Lực lượng lao động đồng nghĩa với dân số hoạt động kinh tế; lực lượng lao động là bộ phận hoạt động của nguồn lao động [dt 39, tr.11].

Từ những quan niệm của các nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam, chúng tôi đưa ra quan niệm về lực lượng lao động như sau: *Lực lượng lao động bao gồm toàn bộ những người từ đủ 15 tuổi trở lên đang có việc làm hoặc không có việc làm, nhưng có nhu cầu làm việc và sẵn sàng làm việc.*



+ Lao động: Khái niệm về lao động có nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng suy đến cùng, lao động là hoạt động đặc thù của con người, phân biệt con người với con vật và xã hội loài người và xã hội loài vật, bởi vì: Khác với con vật, lao động của con người là hoạt động có mục đích, có ý thức tác động vào thế giới tự nhiên nhằm cải biến những vật tự nhiên thành sản phẩm phục vụ cho nhu cầu đời sống của con người. Theo C.Mác “Lao động trước hết là một quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên, một quá trình trong đó bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên” [dt 37, tr.230,321].

Ph.Ăng ghen viết: “Lao động là nguồn gốc của mọi của cải. Lao động đúng là như vậy, khi đi đôi với giới tự nhiên là cung cấp những vật liệu cho lao động đem biến thành của cải. Nhưng lao động còn là một cái gì vô cùng lớn lao hơn thế nữa, lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: Lao động đã sáng tạo ra bản thân loài người” [dt 38, tr.641].

Như vậy, có thể nói lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người, trong quá trình lao động con người vận dụng sức lực tiềm tàng trong thân thể của mình, sử dụng công cụ lao động để tác động vào đối tượng lao động nhằm biến đổi nó phù hợp với nhu cầu của mình. Nói cách khác, trong bất kỳ nền sản xuất xã hội nào, lao động bao giờ cũng là điều kiện để tồn tại và phát triển của xã hội.

+ Nguồn lao động và lực lượng lao động :

Nguồn lao động và lực lượng lao động là những khái niệm có ý nghĩa quan trọng làm cơ sở cho việc tính toán cân đối lao động, việc làm trong xã hội.

Theo giáo trình kinh tế phát triển của trường Đại học Kinh tế quốc dân (2005) đưa ra khái niệm “Nguồn lao động là bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật có khả năng lao động, có nguyện vọng tham

gia lao động và những người ngoài độ tuổi lao động (trên độ tuổi lao động) đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân” [dt 5,tr.167].

Ở mỗi quốc gia khác nhau thì việc quy định độ tuổi lao động là khác nhau, thậm chí khác nhau ở các giai đoạn của mỗi nước. Điều đó tùy thuộc vào trình độ phát triển kinh tế. Ở nước ta, theo quy định của Bộ luật Lao động (2002), độ tuổi lao động đối với nam từ 15-60 tuổi và nữ là từ 15-55 tuổi. Nguồn lao động luôn được xem xét trên hai mặt, biểu hiện đó là số lượng và chất lượng.

*Số lượng lao động*: Là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động gồm: Dân số đủ 15 tuổi trở lên có việc làm và dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động nhưng đang thất nghiệp, đang đi học, đang làm công việc nội trợ trong gia đình, không có nhu cầu việc làm và những người thuộc tình trạng khác (bao gồm cả những người nghỉ hưu trước tuổi quy định).

*Chất lượng lao động*: Cơ bản đánh giá ở trình độ chuyên môn, tay nghề (trí lực) và sức khỏe (thể lực) của người lao động.

*Lực lượng lao động*: Theo quan niệm của tổ chức lao động Quốc tế (ILO) là bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo thực tế đang có việc làm và những người thất nghiệp.

Theo giáo trình Kinh tế phát triển, trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội (2005), ở nước ta hiện nay thường sử dụng khái niệm sau: “Lực lượng lao động là bộ phận dân số đủ 15 tuổi trở lên có việc làm và những người thất nghiệp” [dt 5,tr.168]. Lực lượng lao động theo quan niệm như trên là đồng nghĩa với dân số hoạt động kinh tế (tích cực) và nó phản ánh khả năng thực tế về cung ứng lao động của xã hội.

+ Thị trường lao động

Nước ta, từ khi chuyển sang vận hành theo nền kinh tế thị trường, thì